

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10-7-2018

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Ngọc Thắm

Ông Nguyễn Đồng Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Quang S – sinh năm 1953 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phan Thái T – sinh năm 1957 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T – xã Đ - huyện N - tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Võ Quang S trình bày yêu cầu:**

Năm 1987, ông Võ Quang S và bà Phạm Thái T tìm hiểu và tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, đến năm 1992 thì đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ – huyện Ngọc Hiển (nay là huyện Năm Căn).

Quá trình chung sống, đến năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên hôn nhân không đạt được hạnh phúc, đã ly thân từ năm 2010 đến nay, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với bà Phan Thái T.

Về con chung: Các con đã lớn không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Phan Thái T trình bày:*

Năm 1987, bà T và ông S tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, đến năm 1992 đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ.

Quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên hôn nhân không hạnh phúc, đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Bà T đồng ý ly hôn với ông S.

Về con chung, tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Phan Thái T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

** Tại phiên toà:*

Ông Võ Quang S giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà T, về con chung, tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bà T xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phan Thái T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Phan Thái T là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Năm 1987, ông Võ Quang S và bà Phan Thái T tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mới tại Giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 20 tháng 10 năm 1992.

Trong thời gian chung sống, hai đương sự có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2010 đến nay; ông S yêu cầu ly hôn với bà T, bà T đồng ý; Xét thấy mục đích hôn nhân giữa ông S và bà T không đạt được, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Võ Quang S đối với bà Phan Thái T.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng Dân sự: “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn*

khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Võ Quang S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch với số tiền là 300.000 đồng, ông S được khấu trừ phần tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.
- Khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa ông Võ Quang S đối với bà Phan Thái T.

2. Về con chung, tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Võ Quang S phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015944 ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Ủy ban nhân dân xã Đất Mới;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Hoàng Tuấn

